TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-PT
Ngày 10 - 7 - 2023
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Võ Hoàng Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2023/TLPT - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ - ST, ngày 23 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐ - PT ngày 19 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị K , sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày: Sau khi hai bên tự tìm hiểu nhau, ông và bà Nguyễn Thị K được gia đình chấp thuận nên tiến tới hôn nhân khoảng năm

2001, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà K tính tình ích kỷ hẹp hòi, muốn quản lý hết tiền bạc của ông, bà K yêu cầu ông đưa hết tiền bạc của ông cho bà quản lý nếu không thì không cho ông ngủ chung, bà K thường xuyên kiếm chuyện với ông nên ông không được yên ổn, sự việc kéo dài khiến ông mệt mỏi, mâu thuẫn đến đỉnh điểm là khi cãi nhau bà K lấy dao rượt đuổi ông ra khỏi nhà, không cho ông về nhà ở, ông và bà K ly thân nhau khoảng hơn 07 tháng nay, hiện tại cả hai đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều .

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Anh T (nữ) sinh ngày 28/07/2005, hiện cháu T đang sinh sống với bà K, ông đồng ý theo nguyện vọng của cháu là để cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đối với phần đất tại ấp P, xã P, huyện C, Hậu Giang: gồm 02 nền trong đó 01 nền diện tích 210m^2 và 01 nền diện tích 156m^2, do hiện tại ông Đ chưa cung cấp được giấy tờ chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T1 (cha bà K) nên rút lại yêu cầu Tòa án giải quyết, ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Ngoài ra, có 02 nền đôi có nhà trên đất nhà cấp 4 diện tích 130m^2 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang, diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và là phần đất ven sông chỉ cất nhà ở. Cả hai phần nhà này thì bà K và cháu A T đang ở. Nguồn gốc đất là do bà K sang của ông Trịnh Hoàng Đ1 phần nền đất vị trí (3) (2) theo biên bản thẩm định của Tòa án, khi sang chỉ viết giấy tay, sau khi bà K và ông Đ về chung sống với nhau thì ông và bà K mới tu bổ, xây dựng nhà sàn tại vị trí theo biên bản thẩm định, đối với phần nhà, đất này do bà K chuyển nhượng nên ông Đ không yêu cầu chia vị trí (3); (2) theo biên bản thẩm định của Tòa án.

Về phần nhà tại vị trí trí (1) theo biên bản thẩm định của Tòa án là do ông sang của ông Đinh Thành M, lúc đó chỉ viết giấy tay cho ông Đ đứng tên, sau đó bà K kêu ông M viết lại giấy cho bà K đứng tên. Đối với phần đất và nhà này ông Đ yêu cầu nhận giá trị đất và không yêu cầu chia giá trị nhà vì do bà K xây dựng, đồng ý để nhà cho bà K tiếp tục ở. Hiện nay, ông M không còn ở địa phương, đi đâu thì ông không rõ.

Ngoài ra, ông Đ còn yêu cầu chia đôi số vàng là 06 cây vàng 24K, số vàng này bà K đang giữ gồm: 03 sợi dây chuyền, 01 tấm lắc và nhẫn. Yêu cầu chia đôi số vàng nêu trên, mỗi người 03 cây.

Về nợ chung: Ông Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà và ông Đ tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Hiện tại ông bà đã ly thân nhau từ 05/05/2021 cho đến nay, về yêu cầu ly hôn của ông Đ thì bà không thống nhất.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Trần Anh T (nữ) sinh ngày 28/07/2005; hiện cháu T đang sinh sống với bà K, bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà K xác định số vàng 2,5 cây vàng 24K và 01 chiếc xe Air Blabe hiện tại ông Đ đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc số vàng và xe này là do tiền lương của ông Đ mua, giấy tờ xe ông Đ đang giữ, bà yêu cầu chia đôi giá trị vàng và xe theo quy định, bà không có giấy tờ gì chứng minh số vàng này cũng như việc ông Đ mua bán xe.

Phần đất và nhà có chiều ngang 6m, dài 12m vị trí (1) theo biên bản thẩm định tại ấp P, xã P, huyện C, Hậu Giang là do bà sang của ông Huỳnh Thanh M1 với giá 04 chỉ vàng 24K vào năm 2015 (trước đó do ông M1 thiếu nợ bà nên làm chuyển nhượng lại cho bà để trừ nợ), hiện nay ông M1 không còn ở địa phương, bà ở trên phần đất từ đó đến nay, bà xác định đây là tài sản riêng của bà.

Còn phần nền chuyển nhượng của ông Trịnh Hoàng Đ1 vị trí (2) (3) theo biên bản thẩm định (là chồng trước của bà K để lại cho bà K ở, sau khi ông Đ1 bỏ đi) sang lại cho bà với số vàng là 01 cây vàng 24k, bà K xác định đây là tài sản riêng của bà. Cả hai phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là đất ven sông, do nhà nước quản lý.

Đối với số vàng 6 cây vàng 24K ông Đ yêu cầu chia là không có, ông Đ không có đưa cho bà giữ, bà cũng không biết số vàng này nên không đồng ý chia theo yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích ông Đ xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Về yêu cầu xin ly hôn: Ông Đức giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị K, đồng ý giao cháu Anh T cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông không cấp dưỡng.

Về yêu cầu chia tài sản chung:

- Về yêu cầu chia vàng: Xác định lại yêu cầu chia đối số vàng còn lại sau khi trừ tiền mua xe và mua đất là 3,2 cây vàng 24K với bà K.

- Về yêu cầu chia đất: Ông Đ chỉ yêu cầu chia giá trị phần đất chuyển nhượng của ông Huỳnh Thanh M1 tại vị trí (1) theo biên bản thẩm định, đối với phần đất chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1 (cha bà K) thì ông rút lại yêu cầu và sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Không yêu cầu chia đối với giá trị các căn nhà. Đối với phần đất còn lại thì ông không yêu cầu chia.

Đối với bà K xác định không còn tình cảm nên thống nhất với yêu cầu ly hôn của ông Đ.

Về yêu cầu chia tài sản: Đối với số vàng 3,2 cây còn lại lại bà K không biết và cũng không thừa nhận việc có giữ số vàng như ông Đ trình bày, đối với phần nền sang của ông Huỳnh Thanh M1 hiện vào năm 2021 thì bà cất nhà sàn ở trên, phần đất này đã bị sạt lỡ nên không còn nền đất như lúc bà chuyển nhượng, phần đất này là đất ven sông M nên không được cấp giấy, về nguồn gốc đất là do bà nhận chuyển nhượng từ ông M1, do trước đó ông M1 có thiếu nợ bà nên đến năm 2015 thì viết giấy tay chuyển nhượng cho bà phần đất này để trừ nợ. Hiện bà không xác định được ông M1 ở địa chỉ nào, không còn ở địa phương.

Tại Bản án sơ thẩm số 80/2022/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Anh T (nữ) sinh ngày 28/07/2005 cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn Đ đối với số vàng 3,2 cây vàng 24k.

Đối với yêu cầu chia số vàng 2,5 cây vàng và 01 chiếc xe Air Blade của bà Nguyễn Thị K rút lại nên không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn Đ đối với phần đất chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1, ông Trần Văn Đ có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

- Về nợ chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 nguyên đơn ông Trần Văn Đ có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi tất cả tài sản chung cho vợ chồng ông gồm:

- 01 căn nhà đất đang ở 96m^2, hiện bà Nguyễn Thị K đang ở;
- 01 miếng đất 210m^2;
- 01 miếng đất 492m^2;
- 06 cây vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn. Nhưng nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" đúng theo quy định

tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Xét nội dung nguyên đơn ông Trần Văn Đ kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản gồm 01 nền đất diện tích 210m^2 và 01 nền diện tích 156m^2. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Đối với, phần đất có nhà ở hiện bà Nguyễn Thị K đang quản lý sử dụng đất đã sạt lỡ, bà K làm nhà sàn để ở. Còn lại diện tích đất 84,7m^2 thuộc sông X do nhà nước quản lý; phần diện tích 60,8m^2 là phần đất hiện trạng đang sử dụng thuộc thửa 57 do Ủy ban nhân dân xã P đang quản lý.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

Riêng đối với phần giá trị nhà các căn nhà, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Văn Đ đã không yêu cầu chia, nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chia giá trị các căn nhà, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, ông Đ có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu chia, nếu ông chứng minh được công sức đóng góp của ông vào việc xây dựng nhà hoặc sửa chửa các căn nhà.

Đối với phần vàng 06 cây 24k, tại Tòa sơ thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu 3,2 cây vàng. Nguyên đơn cho rằng giao số vàng này cho bị đơn quản lý, không có ai chứng kiến và không có sự thừa nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều . Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh, nguyên đơn không chứng minh được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu nguyên đơn ông Trần Văn Đ chia cho bà 2,5 cây vàng 24k và giá trị chiếc xe Air Blade. Nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí, nên Tòa sơ

thẩm không thụ lý yêu cầu của bà K là đúng. Tuy nhiên không nhất thiết phải tuyên trong phần quyết định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Đ không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị, kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Anh T (nữ) sinh ngày 28/07/2005 cho bà Nguyễn Thị K tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà Nguyễn Thị K không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Văn Đ không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn Đ đối với số vàng 3,2 cây vàng 24k.

4. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn Đ đối với phần đất chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1, ông Trần Văn Đ có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

5. Về nợ chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010246 ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ phải chịu là 8.416.000 đồng (tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010575 ngày 18/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành án phí, ông Trần Văn Đ phải nộp là 4.666.000 đồng (bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn).

8. Chi phí thẩm định, đo đạc, lược đồ: Ông Trần Văn Đ phải chịu 4.300.000đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng), ông Trần Văn Đ đã nộp xong.

8. Án phí phúc thẩm: Buộc nguyên đơn ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Trần Văn Đ đã nộp theo biên lai thu số 0010896, ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2023).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TO+À

Võ Thị Phượng